kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 17/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.CK1.030

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trên đồ thị độ dịch chuyển – thời gian, độ dốc của đồ thị cho biết

A. quãng đường vật đi được.
B. vận tốc của vật.
C. độ cao của địa hình mà vật đang đi qua.
D. gia tốc của vật.

Câu 2. Gia tốc của một vật được định nghĩa là

A. độ biến thiên vận tốc chia cho khoảng thời gian xảy ra biến thiên đó.
B. độ biến thiên quãng đường chia cho thời gian.
C. quãng đường chia cho bình phương thời gian.
D. vận tốc chia cho thời gian chuyển động.

Câu 3. Công thức nào cho phép tính độ dịch chuyển của chuyển động thẳng biến đổi đều khi biết thời gian?

A. $d = v_0 t + at^2$ **B.** $d = v_0 t + \frac{1}{2}at$ **C.** $d = \frac{1}{2}at^2$ **D.** $d = v_0 t + \frac{1}{2}at^2$

Câu 4. Một vật nặng 7 kg va chạm với một vật nặng 35 kg. Trong lúc va chạm, vật nhẹ tác dụng lên vật nặng một lực 13 N. Lực vật nặng tác dụng lại vật nhẹ có độ lớn

A. 3 N **B.** 0 N **C.** 13 N **D.** 65 N

Câu 5. Lực cản tác dụng lên một chiếc dù đang mở kéo theo tải có dạng $F_c = kv^2$ với $k = 10\ \text{N}\cdot\text{s}^2/\text{m}^2$. Ở tốc độ 5 m/s, lực cản bằng

A. 25 N **B.** 500 N **C.** 250 N **D.** 50 N

Câu 6. Một canô chạy với vận tốc 34 km/h so với dòng nước. Nước chảy với vận tốc 5 km/h so với bờ. Khi xuôi dòng, vận tốc của canô so với bờ bằng

A. 29 km/h **B.** 39 km/h **C.** 170 km/h **D.** 34 km/h

Câu 7. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$ a, b đều chưa biết). Kĩ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	$0,6\ 0,65\ 0,65$
Chuẩn chiều dài L_S: r_S	$36,25\ 36,3\ 36,35$
Chi tiết cần kiểm: r_X	$27,9\ 27,9\ 27,95$

Chuẩn chiều dài có $L_S = 35$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,05$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến $0,01$ mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[26,65; 26,9]$ mm. Báo cáo nào đúng?

A. $L_X \in [26,68; 26,87]$ mm — **đạt** dung sai
B. $L_X \in [26,77; 26,78]$ mm — **đạt** dung sai
C. $L_X \in [26,82; 27,01]$ mm — **đạt** dung sai
D. $L_X \in [26,67; 26,88]$ mm — **đạt** dung sai

Câu 8. Nội dung nào sau đây là đối tượng nghiên cứu của Vật lí?

A. tương tác giữa các vật và giữa các hạt
B. phản ứng tạo chất mới từ các chất ban đầu
C. nguồn gốc và diễn biến của các sự kiện lịch sử
D. cấu tạo và hoạt động của cơ thể sống

Câu 9. Trong bài thực hành đo gia tốc rơi tự do, thước đo gắn trên giá dùng để làm gì?

A. Giữ cho phương rơi đúng phương thẳng đứng.
B. Hiển thị khoảng thời gian giữa hai lần cổng quang bị che.
C. Giữ vật rồi nhả ra đúng lúc bắt đầu tính thời gian.
D. Đo chiều cao rơi của vật.

Câu 10. Vật $m_1 = 2$ kg nằm trên mặt bàn nằm ngang, nối qua một ròng rọc nhẹ ở mép bàn với vật $m_2 = 4$ kg treo lơ lửng. Dây nhẹ, không dãn; lấy $g = 10\ \text{m/s}^2$. Nay mặt bàn có ma sát với hệ số $0,19$. Gia tốc của hệ bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

A. $6,67\ \text{m/s}^2$
B. $9,05\ \text{m/s}^2$
C. $6,03\ \text{m/s}^2$
D. $7,3\ \text{m/s}^2$